| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 06 - 2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Văn Quân
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Trần Thị Dần
2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Ông Đoàn Văn Tuyến – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23B/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị N - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu phố TQ, thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Ngô Văn N1 – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố TQ, thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, bản tự khai ngày 31/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Vân (nay là UBND thị trấn VD), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi vã, anh N1 có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ và có nhiều con riêng bên ngoài. Ngoài ra anh N1 còn hay chửi bới, đánh

đập vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009. Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2023, anh N1 trình bày:

Về hôn nhân anh và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã TV (nay là UBND thị trấn VD), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/7/2006. Sau khi kết hôn sinh sống hoà thuận không sảy ra mâu thuẫn, nay chị N đang làm thủ tục ly hôn với anh tại Toà án xét thấy tình cảm vẫn còn nên anh N1 không đồng ý ly hôn và mong muốn được hoà giải đoàn tụ.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009. Nếu phải ly hôn anh N1 đồng ý giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản chung: Anh N1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án. Anh N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự.

Tại phiên tòa HĐXX công bố bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của chị N, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Ngô Văn N1; Về con chung: Ly hôn giao cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị đây là ý trí của chị trên cơ sở cân nhắc về khả năng tài chính đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị tòa án chấp nhận. Về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Ngô Văn N1 đang cư trú tại khu phố TQ, thị trấn VD, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần cho các đương sự được biết để tham gia phiên họp nhưng anh N1 đều vắng mặt tại các phiên họp không có lý do, tại phiên họp lần thứ hai chị N đề nghị Tòa án tiến hành công khai chứng cứ vắng mặt anh N1. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh N1 và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh N1 được biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Do anh N1 vắng mặt hai lần tại các phiên họp không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hôn nhân: Chị N và anh N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Vân (nay là UBND thị trấn VD), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/7/2006. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này đã được Toà án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N1 không đồng ý ly hôn với chị N và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên anh N1 không có mặt tại các phiên hoà giải, không có mặt tại các phiên toà xét xử chứng tỏ anh N1 đã có thái độ bỏ mặc, không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị N nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị N và anh N1 đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh N1.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt chị N yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai anh N1 trình bày nếu phải ly hôn anh N1 đồng ý giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Đến nay Toà án cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự. Cháu Tuyết S và Tuyết M đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Để đảm bảo lợi ích chính đáng và nguyện vọng của các cháu cũng như ý chí của anh N1, chị N xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị N giao các

cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét yêu cầu này của chị N là tự nguyện, phù hợp nên được tòa án chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị N, anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Ngô Văn N1.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Tuyết S, sinh ngày 06/12/2006 và cháu Ngô Tuyết M, sinh ngày 21/02/2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh N1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên, chị N và anh N1 có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi có điều kiện và chứng cứ hợp pháp

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007981 ngày 16/03/2023, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị N, anh N1. Chị N, anh N1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn VD;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Quân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

| Hội thẩm nhân dân | | Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà |
|---|---|---|
| **Lưu Đình Tâm** | **Nguyễn Thị Hà** | **Lê Văn Quân** |